|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN AN LÃO**  **TRƯỜNG THCS TRƯỜNG SƠN** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ II**  **NĂM HỌC 2022-2023**  **MÔN: CÔNG NGHỆ 7**  *Thời gian làm bài: 45 phút* |

*Thời gian: 45 phút (không kể thời gian giao đề)*

1. **Ma trận**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung kiến thức** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng** | | | **% tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | | **Số CH** | | **Thời gian (phút)** |
| **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **Số CH** | **Thời gian** (phút) | **TN** | **TL** |
| **1** | **Chương 4. Mở đầu về chăn nuôi** | ***1.1. Phương thức chăn nuôi*** |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | **5%** |
| **2** | **Chương 5. Nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng trị bệnh cho vật nuôi** | ***2.1. Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi*** |  |  | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | **5%** |
| ***2.2. Phòng, trị bệnh cho vật nuôi*** |  |  | 2 | 6 |  |  |  |  | 2 |  | 6 | **10%** |
| **3** | **Chương 6. Thủy sản** | ***3.1. Vai trò của ngành thủy sản*** | 2 | 3 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 3 | **10%** |
| ***3.2. Thức ăn của thủy sản*** | 2 | 3 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 3 | **10%** |
| ***3.3. Quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản*** | 2 | 3 | 1 | 3 |  |  | 1 | 5 | 3 | 1 | 11 | **20%** |
| ***3.4. Đo nhiệt độ, độ trong của nước nuôi thủy sản*** | 0 | 0 | 1 | 3 |  |  |  |  | 1 |  | 3 | **5%** |
| ***3.5. Vai trò của việc bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản*** | 2 | 3 |  |  |  |  |  |  | 2 |  | 3 | **10%** |
| ***3.5. Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản*** |  |  |  |  | 1 | 10 |  |  |  | 1 | 10 | **20%** |
| **Tổng** | | | **8** | **12** | **6** | **18** | **1** | **10** | **1** | **5** | **14** | **2** | **45** | **100%** |
| **Tỉ lệ (%)** | | | **40** | | **30** | | **20** | | **10** | | **70** | **30** | **100** | **100** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | **70** | | | | **30** | | | |  | | **100** | **100** |

**B. KHUNG ĐẶC TẢ MA TRẬN MÔN CÔNG NGHỆ 7 CUỐI KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ đánh giá** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Chương 4. Mở đầu về chăn nuôi** | 1.1 ***Phương thức chăn nuôi*** | Thông hiểu:  - Nêu được ưu và nhược điểm của các phương thức chăn nuôi phổ biến ở nước ta.  - Vận dụng được kiến thức về nuôi dưỡng và chăm sóc vật nuôi vào thực tiễn của gia đình, địa phương.  - Nêu được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi. |  | **1-C1** |  |  |
| 1.2 ***Ngành nghề trong chăn nuôi*** | Thông hiểu:  - Nhận thức được sở thích và sự phù hợp của bản thân   với các ngành nghề trong chăn nuôi. |  |  |  |  |
| **2** | **Chương 5. Nuôi dưỡng, chăm sóc, phòng trị bệnh cho vật nuôi** | 2.1 ***Nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi*** | Thông hiểu:  - Trình bày được kĩ thuật nuôi, chăm sóc cho một loại vật nuôi phổ biến  - So sánh được kĩ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc vật nuôi non, vật nuôi đực giống và vật nuôi cái sinh sản |  | **1-C2** |  |  |
| ***2.2. Phòng, trị  bệnh cho vật nuôi*** | Thông hiểu:  - Giải thích được ý nghĩa của các biện pháp phòng bệnh cho vật nuôi.  - Trình bày được kĩ thuật phòng, trị bệnh cho một số loại vật nuôi phổ biến.  - Nêu được những việc nên làm, không nên làm để phòng bệnh cho vật nuôi. |  | **2-C3,4** |  |  |
| ***2.3 Bảo vệ môi trường trong chăn nuôi*** | Thông hiểu:  Nêu được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường trong chăn nuôi |  |  |  |  |
| **3** | **Chương 6. Nuôi thủy sản** | 3.1 Ngành thủy sản ở Việt Nam | Nhận biết:  - Trình bày vai trò của thủy sản  - Nhận biết một số loại thủy sản có giá trị cao ở nước ta | **2- C9,10** |  |  |  |
| 3.2 Quy trình kĩ thuật nuôi thủy sản | Nhận biết:  - Nhận biết được một số loại thức ăn của thủy sản  - Nêu được quy trình nuôi một loại thủy sản phổ biến.  - Trình bày được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi một số loại thủy sản phổ biến  - Nêu được kĩ thuật chuẩn bị con giống một số loại phổ biến  - Trình bày được kĩ thuật chăm sóc một số loại thủy sản phổ biến  -  Nêu được kĩ thuật phòng, trị bệnh một số loại thủy sản phổ biến | **4- C5, 6, 8,11** |  |  |  |
| Thông hiểu:  - Giải thích được kĩ thuật chuẩn bị ao nuôi một số loại thủy sản phổ biến  - Giải thích được kĩ thuật chuẩn bị con giống một số loại thủy sản phổ biến  - Giải thích được kĩ thuật chăm sóc  một số loại thủy sản phổ biến  - Giải thích được kĩ thuật phòng, trị bệnh một số loại thủy sản phổ biến |  | **1-C13** | **1-C2TL** |  |
| Vận dụng:  - Đo được nhiệt độ của nước ao nuôi một số loại thủy sản phổ biến  - Đo được độ trong của nước ao nuôi một số loại thủy sản phổ biến.  - Vận dụng phương pháp thu hoạch tôm cá tại gia đình. |  |  |  |  |
| 3.3 Bảo vệ môi trường và nguồn lợi thủy sản | Nhận biết:  - Nêu được một số biện pháp bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản | **2-C7, 12** |  |  |  |
| Thông hiểu:  - Giải thích được các việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản |  | **1-C14** |  |  |
| Vận dụng cao:  - Đề xuất được những việc nên làm và không nên làm để bảo vệ môi trường nuôi thủy sản và nguồn lợi thủy sản của địa phương |  |  |  | **1-C1TL** |
| **Tổng: 16 câu** | | |  | **8** | **6** | **1** | **1** |

**C. Đề kiểm tra**

**I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)**

**Câu 1**: Phương thức chăn nuôi bán chăn thả có đặc điểm gì?

**A.** Vật nuôi đi lại tự do, không có chuồng trại.

**B**. Vật nuôi tự kiếm thức ăn có trong tự nhiên.

**C.** Vật nuôi sử dụng thức ăn công nghiệp kết hợp thức ăn tự tìm kiếm.

**D.** Vật nuôi chỉ sử dụng thức ăn, nước uống do người chăn nuôi cung cấp.

**Câu 2**: Cần nuôi dưỡng và chăm sóc như thế nào để vật nuôi non khỏe mạnh, phát triển và kháng bệnh tốt?

**A.** Kiểm tra định kì thể trọng, tinh dịch của vật nuôi.

**B.** Cung cấp thức ăn có đủ năng lượng, protein, vitamin và chất khoáng.

**C.** Thường xuyên tắm chải cho vật nuôi non.

**D.** Cung cấp đủ calxium và các chất dinh dưỡng để tạo trứng.

**Câu 3**: Trình bày kĩ thuật phòng bệnh cho gà?

**A**. Tiêu độc, khử trùng giữ vệ sinh chuồng và vườn chăn thả, tiêm phòng định kì, bổ sung vitamin.

**B**. Không tiêu độc, chỉ khử trùng giữ vệ sinh chuồng và vườn chăn thả, tiêm phòng định kì, bổ sung vitamin.

**C**. Tiêu độc, khử trùng giữ vệ sinh chuồng và vườn chăn thả, không tiêm phòng định kì, bổ sung vitamin.

**D**. Tiêu độc, chỉ khử trùng giữ vệ sinh chuồng và vườn chăn thả, tiêm phòng định kì, bổ sung vitamin.

**Câu 4**: Chăm sóc, phòng và trị bệnh cho vật nuôi có ảnh hưởng như thế nào đến vật nuôi?

**A**. Vật nuôi phát triển cân đối về ngoại hình. **B**. Vật nuôi thích nghi với điều kiện sống.

**C.** Vật nuôi dễ dàng tiêu thụ thức ăn. **D.** Vật nuôi khỏe mạnh, phát triển toàn diện.

**Câu 5**: Nội dung nào không phải là quy trình nuôi cá?

**A**. Đào ao, đắp bờ. **B**. Xử lí đáy.

**C**. Chế biến sản phẩm. **D**. Thu hoạch.

**Câu 6**: Ý nào sau đây không là kĩ thuật chăm sóc cá sau khi thả?

**A.** Cho ăn, quản lí thức ăn **B.** Đào ao, đắp bờ.

**C**. Quản lí chất lượng ao nuôi **D**. Quản lí sức khỏe cá.

**Câu 7**: Nội dung nào không phải là vai trò bảo vệ môi trường nuôi thủy sản?

**A**. Xây dựng chuồng trại trên cao. **B**. Xử lí nước thải.

**C**. Dọn rác làm sạch môi trường. **D**. Đánh bắt thủy sản bằng xung điện và chất nổ.

**Câu 8**: Bột cá được dùng làm thức ăn nuôi thủy sản. Bột cá thuộc nhóm thức ăn nào?

**A.** Giàu protein. **B.** Giàu chất khoáng.

**C.** Giàu chất béo. **D.** Giàu gluxit.

**Câu 9**: Nuôi thủy sản có mấy vai trò?

**A.** 2 **B.** 3 **C.** 4 **D.** 5

**Câu 10**: Ý nào sau đây không thuộc vai trò của thủy sản?

**A**. Cung cấp thực phẩm cho con người. **B.** Làm thức ăn cho vật nuôi khác.

**C**. Hàng hóa xuất khẩu. **D**. Làm vật nuôi cảnh.

**Câu 11**: Thức ăn tự nhiên của thủy sản gồm:

**A.** Tảo, ốc, giun, rong. **B**. Ngô, sắn, khoai, cá tươi.

**C.** Thức ăn viên nổi, thức ăn viên chìm. **D**. Bã đậu nành, trùn quế, rong.

**Câu 12:** Môi trường nước bị ô nhiễm là do những nguyên nhân nào?

**A.** Các nguồn lợi thủy sản bị khai thác triệt để.

**B.** Nước thải công nghiệp, nông nghiệp không xử lý đổ ra ao, hồ, kênh rạch.

**C.** Tạo nguồn nguyên liệu cho chế biến các mặt hàng thực phẩm.

**D.** Tăng xuất khẩu, tạo nguồn thu ngoại tệ cho đất nước.

**Câu 13**: Làm thế nào để phòng bệnh cho tôm cá?

**A**. Cải tạo, xử lý tốt ao nuôi trước khi thả con giống tôm, cá và cho ăn đúng kỹ thuật.

**B**. Cho tôm, cá ăn nhiều thức ăn tinh, thức ăn giàu đạm để tăng sức đề kháng.

**C**. Bổ sung nhiều thực vật thủy sinh vào ao nuôi tôm, cá.

**D**. Xử lý kịp thời những hiện tượng bất thường trong ao nuôi.

**Câu 14**: Hoạt động nào dưới dây không gây ảnh hưởng xâu đến môi trường và nguồn lợi thủy sản?

**A.** Khai thác với cường độ cao, mang tính hủy diệt. **B**. Phá hại rừng đầu nguồn, rừng ngập mặn.

**C**. Nuôi không đúng kỉ thuật, ô nhiễm môi trường nước. **D**. Tận dụng được đất đai nông nghiệp ở địa phương.

**II. TỰ LUẬN (3 điểm)**

**Câu 1**. Nếu tham gia nuôi thủy sản, gia đình em sẽ áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường như thế nào để góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm nước nuôi? (2điểm)

**Câu 2**. Ao cá gia đình em đã đến thời gian thu hoạch. Em hãy đề xuất phương pháp thu hoạch cho phù hợp? Giải thích vì sao em lựa chọn phương pháp đó? (1điểm)

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

1. **Trắc nghiệm (7 điểm)**

Mỗi câu đúng 0,5 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** | C | B | A | D | C | B | D | A | C | D | A | B | A | D |

1. **Tự luận (3 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| Câu 1  2 điểm | Nếu tham gia nuôi thủy sản, gia đình em sẽ áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường để góp phần làm giảm thiểu ô nhiễm nước nuôi là:  - Lắng (lọc) lọc nước bằng bể lọc lớn, có thể tích từ 200 đến để chứa nước. Sau 2 đến 3 ngày. Các chất lắng đọng ở phía đáy ao. Nước sạch phần trên dùng để nuôi cá.  - Dùng hoá chất khử độc như: Khí clo, vôi clorua, formon... và phơi ao trong 3-4 ngày. Sau đó mới bơm nước mới vào  - Tăng cường sục khí -> Tháo bớt nước cũ và thêm nước sạch | 1đ  0,5đ  0,5đ |
| Câu 2  1 điểm | Em đề xuất phương pháp đánh tỉa thả bù vì  Phương pháp đánh tỉa thả bù thu hoạch những cá thể đã đạt chuẩn thực phẩm, sau đó bổ sung cá giống, tôm giống vào để bảo đảm mật độ nuôi. | 0,5đ  0,5đ |